

**Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên**  
Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của bạn có thể khấu lưu thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của bạn.  
Đưa Mẫu W-4 cho chủ lao động của bạn.  
Khoản khấu lưu của bạn có thể được IRS xét lại.

<b>Bước 1:</b> <b>Nhập Thông Tin Cá Nhân</b>	(a) Tên và chữ viết tắt tên đệm	Họ	(b) Số an sinh xã hội
	Địa chỉ	<b>Tên của bạn có khớp với tên trên thẻ an sinh xã hội của bạn không?</b> Nếu không, để bảo đảm bạn được công nhận cho thu nhập kiểm tra của mình, liên lạc SSA tại 800-772-1213 hoặc truy cập <a href="http://www.ssa.gov">www.ssa.gov</a> .	
	Thành phố hoặc thị trấn, tiểu bang và mã ZIP		
(c) <input type="checkbox"/> Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế <input type="checkbox"/> Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện <input type="checkbox"/> Chủ gia đình (Chỉ đánh dấu nếu bạn chưa kết hôn và phải trả hơn một nửa chi phí để duy trì ngôi nhà cho chính mình và một người đủ điều kiện.)			

**CHỈ** hoàn thành các **Bước 2-4** nếu áp dụng đối với bạn; nếu không, nhảy sang **Bước 5**. Xem trang 2 để biết thêm thông tin cho từng bước, ai có thể yêu cầu miễn khấu lưu thuế, và khi nào dùng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4App](http://www.irs.gov/W4App).

**Bước 2:**  
**Nhiều Công Việc hoặc Người Vợ/Chồng Đi Làm**

Hoàn thành bước này nếu bạn (1) làm nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và người vợ/chồng của bạn cũng đi làm. Khoản khấu lưu đúng phụ thuộc vào thu nhập kiếm được từ tất cả các công việc này.

Thực hiện **chỉ một** trong những điều sau.

(a) Sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4App](http://www.irs.gov/W4App) để được khấu lưu chính xác nhất cho bước này (và các Bước 3-4). Nếu bạn hoặc vợ/chồng của bạn có thu nhập tự kinh doanh, hãy sử dụng tùy chọn này; **hoặc**

(b) Sử dụng Bảng Tính cho Nhiều Công Việc ở trang 3 và nhập kết quả vào Bước 4(c) bên dưới; **hoặc**

(c) Nếu chỉ có tổng cộng hai công việc, bạn có thể đánh dấu vào ô này. Thực hiện tương tự trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Tùy chọn này thông thường chính xác hơn (b) nếu tiền của mức lương thấp hơn nhiều hơn một nửa của tiền của mức lương cao hơn. Nếu không thì (b) là chính xác hơn . . . . .

Hoàn thành các **Bước 3-4(b)** trên **Mẫu W-4** cho duy nhất **MỘT** công việc trong số này. Để trống các bước đó cho các công việc khác. (Khoản khấu lưu của bạn sẽ được tính chính xác nhất nếu bạn hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho công việc có mức lương cao nhất.)

<b>Bước 3:</b> <b>Kê Khai Người Phụ Thuộc và Các Tín Thuế Khác</b>	Nếu tổng thu nhập của bạn là \$200.000 hoặc ít hơn (\$400.000 hoặc ít hơn nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế):		
	Nhân số trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi với \$2.000 . . . . .	\$	
	Nhân số người phụ thuộc khác với \$500 . . . . .	\$	
	Cộng các số tiền ở trên cho trẻ em và người phụ thuộc khác đủ điều kiện. Bạn có thể cộng những tín thuế khác vào số tiền này. Nhập tổng số ở đây . . . . .		<b>3</b> \$
<b>Bước 4</b> <b>(không bắt buộc):</b> <b>Các Điều Chỉnh Khác</b>	(a) <b>Thu nhập khác (không phải từ công việc).</b> Nếu bạn muốn khấu lưu thuế đối với thu nhập khác mà bạn dự kiến năm nay mà không có khấu lưu, nhập các khoản thu nhập khác vào đây. Các khoản này có thể bao gồm tiền lãi, cổ tức và thu nhập hưu trí . . . . .		<b>4(a)</b> \$
	(b) <b>Khấu trừ.</b> Nếu bạn dự kiến yêu cầu khấu trừ không phải là khấu trừ tiêu chuẩn và muốn giảm khấu lưu của bạn, sử dụng Bảng Tính cho Các Khoản Khấu Trừ ở trang 3 và nhập kết quả vào đây . . . . .		<b>4(b)</b> \$
	(c) <b>Khấu lưu bổ sung.</b> Nhập bất kỳ khoản thuế bổ sung nào bạn muốn khấu lưu mỗi kỳ trả lương . . . . .		<b>4(c)</b> \$

**Bước 5:**  
**Ký Tên Ở Đây**

Theo hình phạt của tội khai man, tôi tuyên bố rằng giấy chứng nhận này, theo hiểu biết và sự tin tưởng tốt nhất của tôi, là thật, đúng, và đầy đủ.

\_\_\_\_\_ Ngày \_\_\_\_\_

**Chữ ký của nhân viên** (Mẫu đơn này không hợp lệ trừ khi bạn ký tên.)

<b>Dành cho Chủ Lao Động</b>	Tên và địa chỉ của chủ lao động	Ngày đầu tiên làm việc	Mã số thuế của chủ lao động (EIN)

## Hướng Dẫn Tổng Quát

Các tham chiếu về đoạn là của Bộ Luật Thuế vụ.

### Những Phát Triển Trong Tương Lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Mẫu W-4, chẳng hạn như luật được ban hành sau khi mẫu được xuất bản, truy cập [www.irs.gov/FormW4Vie](http://www.irs.gov/FormW4Vie).

### Mục Đích của Mẫu

Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của bạn có thể khấu trừ thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của bạn. Nếu khoản khấu trừ là quá ít, bạn thường sẽ nợ thuế khi nộp tờ khai thuế và có thể nợ một khoản tiền phạt. Nếu khoản khấu trừ là quá nhiều, bạn thường sẽ được hoàn tiền. Hoàn thành Mẫu W-4 mới nếu những thay đổi về tình hình tài chính hoặc cá nhân của bạn có thể thay đổi thông tin trong các mục trên mẫu đơn. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ và khi nào bạn phải cung cấp Mẫu W-4 mới, xem Ấn phẩm 505, Khấu trừ thuế và Thuế ước tính.

**Miễn khấu trừ thuế.** Bạn có thể yêu cầu miễn khấu trừ cho năm 2024 nếu bạn đáp ứng cả hai điều kiện sau: bạn không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2023 và bạn dự kiến sẽ không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2024. Bạn không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2023 nếu (1) tổng số thuế của bạn ở dòng 24 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2023 của bạn là không (hoặc nhỏ hơn tổng số của các dòng 27, 28 và 29), hoặc (2) bạn không bắt buộc phải khai thuế vì thu nhập của bạn thấp hơn ngưỡng phải khai thuế đối với tư cách thuế đúng của bạn. Nếu bạn yêu cầu miễn, bạn sẽ không bị khấu trừ thuế thu nhập từ phiếu lương của mình và có thể sẽ nợ thuế cũng như tiền phạt khi bạn nộp tờ khai thuế năm 2024. Để yêu cầu miễn khấu trừ, hãy chứng nhận rằng bạn đáp ứng cả hai điều kiện ở trên bằng cách viết "Exempt (Miễn)" trên Mẫu W-4 vào khoảng trống bên dưới Bước 4(c). Sau đó, hoàn thành các Bước 1(a), 1(b), và 5. Không hoàn thành bất kỳ các bước nào khác. Bạn sẽ cần nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 15 tháng 2, 2025.

**Quyền riêng tư của bạn.** Bước 2(c) và 4(a) yêu cầu thông tin về thu nhập bạn nhận được từ các nguồn khác ngoài công việc liên quan đến Mẫu W-4 này. Nếu bạn có lo ngại về cung cấp thông tin cho Bước 2(c), bạn có thể chọn Bước 2(b) để thay thế; nếu bạn có lo ngại về cung cấp thông tin cho Bước 4(a), bạn có nhập số tiền bổ sung mà bạn muốn khấu trừ mỗi kỳ lương trong Bước 4(c) để thay thế.

**Khi nào nên dùng công cụ ước tính.** Cân nhắc sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4App](http://www.irs.gov/W4App) nếu bạn:

- Chỉ dự tính làm việc một phần của năm;
- Nhận cổ tức, lãi vốn, an sinh xã hội, tiền thưởng, thu nhập kinh doanh, hoặc chịu Thuế Medicare bổ sung hoặc Thuế thu nhập đầu tư ròng; hoặc
- Ưa chuộng khấu trừ chính xác nhất cho tình huống nhiều công việc.

**Tự kinh doanh.** Thông thường, bạn sẽ nợ cả thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh đối với bất kỳ khoản thu nhập nào từ việc tự kinh doanh mà bạn nhận được riêng biệt với tiền lương bạn nhận được với tư cách là một nhân viên. Nếu bạn muốn trả những khoản thuế này thông qua khấu trừ từ tiền lương của mình, bạn sử dụng công cụ ước tính tại [www.irs.gov/W4App](http://www.irs.gov/W4App) để tính số tiền để khấu trừ.

**Người nước ngoài tạm trú.** Nếu bạn là người nước ngoài tạm trú xem Thông báo 1392, Hướng dẫn bổ sung cho Mẫu W-4 cho Người nước ngoài tạm trú, trước khi hoàn thành mẫu đơn này.

## Hướng Dẫn Cụ Thể

**Bước 1(c).** Kiểm tra tư cách khai thuế dự kiến của bạn. Điều này sẽ xác định khoản khấu trừ tiêu chuẩn và thuế suất được sử dụng để tính khoản khấu trừ của bạn.

**Bước 2.** Sử dụng bước này nếu bạn (1) có nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và bạn và người vợ/chồng đều đi làm.

Tùy chọn (a) tính toán chính xác nhất tiền thuế bổ sung mà bạn cần phải khấu trừ, trong khi tùy chọn (b) làm vậy với độ chính xác kém hơn một chút.

Thân vào đó, nếu bạn (và người vợ/chồng) chỉ có tổng cộng hai công việc, bạn có thể đánh dấu vào ô ở tùy chọn (c). Bạn cũng phải đánh dấu vào ô này trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Nếu ô được đánh dấu, khoản khấu trừ tiêu chuẩn và khung thuế sẽ được cắt giảm một nửa cho mỗi công việc để tính khấu trừ. Tùy chọn này cho kết quả tính gần như chính xác đối với cả công việc có mức lương tương tự; nếu không, khoản thuế bị khấu trừ có thể nhiều hơn mức cần thiết và số tiền phụ trội này sẽ càng lớn khi chênh lệch mức lương giữa hai công việc càng lớn.



**Nhiều công việc.** Hoàn thành các Bước từ 3 đến 4(b) trên duy nhất một Mẫu W-4. Khoản khấu trừ sẽ được tính chính xác nhất nếu bạn thực hiện trên Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất.

**Bước 3.** Bước này cung cấp hướng dẫn để xác định tín thuế trẻ em và tín thuế cho những người phụ thuộc khác mà bạn có thể yêu cầu khi bạn nộp tờ khai thuế. Để đủ điều kiện nhận tín thuế trẻ em, trẻ phải dưới 17 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12, phải là người phụ thuộc của bạn và thường sống với bạn hơn nửa năm, cũng như phải có số an sinh xã hội theo yêu cầu. Bạn có thể yêu cầu tín thuế cho người phụ thuộc khác nếu không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho người đó, chẳng hạn như một đứa trẻ lớn tuổi hơn hoặc một người họ hàng đủ điều kiện. Để biết thêm các yêu cầu để hội đủ điều kiện cho các khoản tín thuế này, xem Ấn phẩm 501, Người phụ thuộc, khấu trừ tiêu chuẩn và thông tin khác mà bạn đủ điều kiện trong bước này, chẳng hạn như tín thuế nước ngoài và tín thuế giáo dục. Để thực hiện điều này, cộng số tiền ước tính trong năm vào các khoản tín thuế cho người phụ thuộc của bạn và nhập tổng số tiền vào Bước 3. Bao gồm các khoản tín thuế này sẽ làm tăng khoản tiền lương của bạn và giảm số tiền hoàn thuế bạn có thể nhận được khi nộp tờ khai thuế.

### Bước 4 (không bắt buộc).

**Bước 4(a).** Ở bước này, nhập tổng thu nhập ước tính khác trong năm của bạn, nếu có. Bạn không nên bao gồm thu nhập từ bất kỳ công việc hoặc nghề tự kinh doanh nào. Nếu bạn hoàn thành Bước 4(a), bạn có thể sẽ không phải trả thuế ước tính cho khoản thu nhập đó. Nếu bạn ưa chuộng trả thuế ước tính thay vì bị khấu trừ thuế trên các khoản thu nhập khác từ phiếu lương của mình, xem Mẫu 1040-ES, Thuế ước tính cho Cá nhân.

**Bước 4(b).** Trong bước này, nhập số tiền từ Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ, dòng 5, nếu bạn dự kiến yêu cầu các khoản khấu trừ khác không phải khoản khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản trên tờ khai thuế năm 2024 và muốn giảm khấu trừ để tính cho các khoản khấu trừ này. Điều này bao gồm cả các khoản khấu trừ từng khoản và các khoản khấu trừ khác, chẳng hạn như lãi khoản vay sinh viên và IRA.

**Bước 4(c).** Ở bước này, nhập bất kỳ khoản thuế phụ trội nào bạn muốn khấu trừ từ lương của mình **mỗi kỳ trả lương**, bao gồm bất kỳ số tiền nào từ Bảng Tính cho Nhiều Công Việc, dòng 4. Nhập một số tiền vào đây sẽ làm giảm khoản tiền lương của bạn và tăng số tiền hoàn thuế của bạn hoặc giảm bất kỳ số tiền thuế nào bạn nợ.

**Bước 2(b)—Bảng Tính cho Nhiều Công Việc** (Giữ cho hồ sơ của bạn.)



Nếu bạn chọn tùy chọn ở Bước 2(b) trên Mẫu W-4, hãy hoàn thành bảng tính này (để tính tổng số thuế phụ trội cho tất cả các công việc) trên **duy nhất MỘT** Mẫu W-4. Khoản khấu trừ sẽ được tính chính xác nhất nếu bạn hoàn thành bảng tính và nhập kết quả vào Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất. Để được chính xác, gửi Mẫu W-4 mới cho tất cả các công việc khác nếu bạn chưa cập nhật khấu trừ của mình từ năm 2019.

**Ghi chú:** Nếu nhiều hơn một công việc có tiền lương hàng năm nhiều hơn \$120.000 hoặc có nhiều hơn ba công việc, xem Ấn phẩm 505 để xem các bảng bổ sung; hoặc, bạn có thể sử dụng công cụ ước tính trực tuyến tại [www.irs.gov/W4App](http://www.irs.gov/W4App).

- 1 **Hai công việc.** Nếu bạn có hai công việc hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và bạn và người vợ/chồng mỗi người có một công việc, tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4. Sử dụng hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn", tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 1. Sau đó, **nhảy** đến dòng 3 . . . . . **1** \$ \_\_\_\_\_
- 2 **Ba công việc.** Nếu bạn và/hoặc người vợ/chồng có ba công việc cùng lúc, hoàn thành các dòng 2a, 2b, và 2c dưới đây. Nếu không, nhảy đến dòng 3.
  - a Tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 bằng cách sử dụng tiền lương hàng năm từ công việc được trả lương cao nhất trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và tiền lương hàng năm cho công việc được trả lương cao nhất tiếp theo của bạn trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn". Tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 2a . . . . . **2a** \$ \_\_\_\_\_
  - b Cộng tiền lương hàng năm của hai công việc được trả lương cao nhất từ dòng 2a với nhau và sử dụng tổng số tiền đó làm mức tiền lương trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và sử dụng tiền lương hàng năm cho công việc thứ ba của bạn trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn" để tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 và nhập số tiền này vào dòng 2b . . . . . **2b** \$ \_\_\_\_\_
  - c Cộng số tiền ở dòng 2a và 2b và nhập kết quả vào dòng 2c . . . . . **2c** \$ \_\_\_\_\_
- 3 Nhập số kỳ trả lương mỗi năm cho công việc được trả lương cao nhất. Ví dụ, nếu công việc đó trả lương hàng tuần, nhập 52; nếu trả lương cách tuần, nhập 26; nếu trả lương hàng tháng, nhập 12, v.v. **3** \_\_\_\_\_
- 4 Chia số tiền hàng năm ở dòng 1 hoặc dòng 2c cho số kỳ trả lương ở dòng 3. Nhập số tiền này vào đây và ở **Bước 4(c)** của Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất (cùng với bất kỳ khoản thu nhập bổ sung nào khác mà bạn muốn khấu trừ) . . . . . **4** \$ \_\_\_\_\_

**Bước 4(b)—Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ** (Giữ cho hồ sơ của bạn.)



- 1 Nhập ước tính của các khoản khấu trừ từng khoản năm 2024 của bạn (từ Bảng A (Mẫu 1040)). Các khoản khấu trừ này có thể bao gồm lãi của khoản vay mua nhà đủ điều kiện, đóng góp từ thiện, các khoản thuế tiểu bang và địa phương (tối đa \$10.000), và chi phí y tế vượt mức 7,5% thu nhập của bạn . . . . . **1** \$ \_\_\_\_\_
- 2 Nhập: 

{	• \$29.200 nếu bạn là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	}	. . . . . <b>2</b> \$ _____
	• \$21.900 nếu bạn là chủ gia đình		
	• \$14.600 nếu bạn là độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế		
- 3 Nếu dòng 1 lớn hơn dòng 2, lấy dòng 1 trừ dòng 2 và nhập kết quả vào đây. Nếu dòng 2 lớn hơn dòng 1, nhập "-0-" . . . . . **3** \$ \_\_\_\_\_
- 4 Nhập ước tính lãi khoản vay sinh viên của bạn, khoản đóng góp IRA được khấu trừ, và một số điều chỉnh khác (từ Phần II của Bảng 1 (Mẫu 1040)). Xem Ấn phẩm 505 để biết thêm thông tin . . . . . **4** \$ \_\_\_\_\_
- 5 **Cộng** dòng 3 và 4. Nhập kết quả tại đây và ở **Bước 4(b)** của Mẫu W-4 . . . . . **5** \$ \_\_\_\_\_

**Thông báo về Đạo luật Quyền riêng tư và Đạo luật Giảm giấy tờ.**  
Chúng tôi yêu cầu thông tin trên mẫu đơn này để thi hành luật Thuế vụ của Hoa Kỳ. Đoạn 3402(f)(2) và 6109 của Bộ Luật Thuế vụ và các quy định này yêu cầu bạn cung cấp thông tin này; chủ lao động của bạn sử dụng chúng để xác định khoản khấu trừ thuế thu nhập liên bang của bạn. Việc không cung cấp mẫu đơn được hoàn thành hợp lệ sẽ dẫn đến việc bạn được coi là người độc thân và không có mục nhập nào trong mẫu đơn; cung cấp thông tin gian lận có thể khiến bạn chịu hình phạt. Thủ tục sử dụng thông tin này bao gồm cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp cho các vụ kiện tụng dân sự và hình sự; cho các thành phố, tiểu bang, Đặc khu Columbia, các khối thịnh vượng và lãnh thổ của Hoa Kỳ để sử dụng trong hoạt động quản lý luật thuế vụ của họ; và gửi cho Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh để sử dụng trong Danh bạ Quốc gia về Nhân viên mới. Chúng tôi cũng có thể tiết lộ thông tin này cho các quốc gia khác theo hiệp ước thuế, cho các cơ quan liên bang và tiểu bang để thực thi luật hình sự không liên quan đến thuế liên bang hoặc cho các cơ quan thực thi pháp luật và tình báo liên bang để chống khủng bố.

Bạn không bắt buộc phải cung cấp thông tin được yêu cầu trên một mẫu đơn tuân theo Đạo luật Giảm giấy tờ trừ khi mẫu đơn đó hiển thị số kiểm soát hợp lệ của OMB. Số sách hoặc hồ sơ liên quan đến mẫu đơn hoặc hướng dẫn của mẫu đơn phải được lưu giữ nếu nội dung của các giấy tờ này vẫn có thể là quan trọng trong việc thi hành bất kỳ luật Thuế vụ nào. Thông thường, các tờ khai thuế và thông tin của tờ khai được bảo mật, theo yêu cầu của đoạn 6103 của Bộ Luật.  
Thời gian và chi phí trung bình cần thiết để hoàn thành và nộp mẫu đơn này sẽ khác nhau tùy theo tình huống cá nhân. Để biết mức ước tính trung bình, xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của bạn.  
Nếu bạn có gợi ý để đơn giản hóa mẫu đơn này, chúng tôi chân thành lắng nghe từ bạn. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của bạn.

**Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế hoặc Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$0	\$780	\$850	\$940	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.370
\$10.000 - 19.999	0	780	1.780	1.940	2.140	2.220	2.220	2.220	2.220	2.220	2.570	3.570
\$20.000 - 29.999	780	1.780	2.870	3.140	3.340	3.420	3.420	3.420	3.420	3.770	4.770	5.770
\$30.000 - 39.999	850	1.940	3.140	3.410	3.610	3.690	3.690	3.690	4.040	5.040	6.040	7.040
\$40.000 - 49.999	940	2.140	3.340	3.610	3.810	3.890	3.890	4.240	5.240	6.240	7.240	8.240
\$50.000 - 59.999	1.020	2.220	3.420	3.690	3.890	3.970	4.320	5.320	6.320	7.320	8.320	9.320
\$60.000 - 69.999	1.020	2.220	3.420	3.690	3.890	4.320	5.320	6.320	7.320	8.320	9.320	10.320
\$70.000 - 79.999	1.020	2.220	3.420	3.690	4.240	5.320	6.320	7.320	8.320	9.320	10.320	11.320
\$80.000 - 99.999	1.020	2.220	3.620	4.890	6.090	7.170	8.170	9.170	10.170	11.170	12.170	13.170
\$100.000 - 149.999	1.870	4.070	6.270	7.540	8.740	9.820	10.820	11.820	12.830	14.030	15.230	16.430
\$150.000 - 239.999	1.960	4.360	6.760	8.230	9.630	10.910	12.110	13.310	14.510	15.710	16.910	18.110
\$240.000 - 259.999	2.040	4.440	6.840	8.310	9.710	10.990	12.190	13.390	14.590	15.790	16.990	18.190
\$260.000 - 279.999	2.040	4.440	6.840	8.310	9.710	10.990	12.190	13.390	14.590	15.790	16.990	18.190
\$280.000 - 299.999	2.040	4.440	6.840	8.310	9.710	10.990	12.190	13.390	14.590	15.790	16.990	18.380
\$300.000 - 319.999	2.040	4.440	6.840	8.310	9.710	10.990	12.190	13.390	14.590	15.980	17.980	19.980
\$320.000 - 364.999	2.040	4.440	6.840	8.310	9.710	11.280	13.280	15.280	17.280	19.280	21.280	23.280
\$365.000 - 524.999	2.720	6.010	9.510	12.080	14.580	16.950	19.250	21.550	23.850	26.150	28.450	30.750
\$525.000 trở lên	3.140	6.840	10.540	13.310	16.010	18.590	21.090	23.590	26.090	28.590	31.090	33.590

**Độc Thân hoặc Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$240	\$870	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.540	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.910	\$2.040
\$10.000 - 19.999	870	1.680	1.830	1.830	2.350	3.350	3.680	3.680	3.680	3.720	3.920	4.050
\$20.000 - 29.999	1.020	1.830	1.980	2.510	3.510	4.510	4.830	4.830	4.870	5.070	5.270	5.400
\$30.000 - 39.999	1.020	1.830	2.510	3.510	4.510	5.510	5.830	5.870	6.070	6.270	6.470	6.600
\$40.000 - 59.999	1.390	3.200	4.360	5.360	6.360	7.370	7.890	8.090	8.290	8.490	8.690	8.820
\$60.000 - 79.999	1.870	3.680	4.830	5.840	7.040	8.240	8.770	8.970	9.170	9.370	9.570	9.700
\$80.000 - 99.999	1.870	3.690	5.040	6.240	7.440	8.640	9.170	9.370	9.570	9.770	9.970	10.810
\$100.000 - 124.999	2.040	4.050	5.400	6.600	7.800	9.000	9.530	9.730	10.180	11.180	12.180	13.120
\$125.000 - 149.999	2.040	4.050	5.400	6.600	7.800	9.000	10.180	11.180	12.180	13.180	14.180	15.310
\$150.000 - 174.999	2.040	4.050	5.400	6.860	8.860	10.860	12.180	13.180	14.230	15.530	16.830	18.060
\$175.000 - 199.999	2.040	4.710	6.860	8.860	10.860	12.860	14.380	15.680	16.980	18.280	19.580	20.810
\$200.000 - 249.999	2.720	5.610	8.060	10.360	12.660	14.960	16.590	17.890	19.190	20.490	21.790	23.020
\$250.000 - 399.999	2.970	6.080	8.540	10.840	13.140	15.440	17.060	18.360	19.660	20.960	22.260	23.500
\$400.000 - 449.999	2.970	6.080	8.540	10.840	13.140	15.440	17.060	18.360	19.660	20.960	22.260	23.500
\$450.000 trở lên	3.140	6.450	9.110	11.610	14.110	16.610	18.430	19.930	21.430	22.930	24.430	25.870

**Chủ Gia Đình**

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$510	\$850	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.220	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.960
\$10.000 - 19.999	510	1.510	2.020	2.220	2.220	2.220	2.420	3.420	4.070	4.070	4.160	4.360
\$20.000 - 29.999	850	2.020	2.560	2.760	2.760	2.960	3.960	4.960	5.610	5.700	5.900	6.100
\$30.000 - 39.999	1.020	2.220	2.760	2.960	3.160	4.160	5.160	6.160	6.900	7.100	7.300	7.500
\$40.000 - 59.999	1.020	2.220	2.810	4.010	5.010	6.010	7.070	8.270	9.120	9.320	9.520	9.720
\$60.000 - 79.999	1.070	3.270	4.810	6.010	7.070	8.270	9.470	10.670	11.520	11.720	11.920	12.120
\$80.000 - 99.999	1.870	4.070	5.670	7.070	8.270	9.470	10.670	11.870	12.720	12.920	13.120	13.450
\$100.000 - 124.999	2.020	4.420	6.160	7.560	8.760	9.960	11.160	12.360	13.210	13.880	14.880	15.880
\$125.000 - 149.999	2.040	4.440	6.180	7.580	8.780	9.980	11.250	13.250	14.900	15.900	16.900	17.900
\$150.000 - 174.999	2.040	4.440	6.180	7.580	9.250	11.250	13.250	15.250	16.900	18.030	19.330	20.630
\$175.000 - 199.999	2.040	4.510	7.050	9.250	11.250	13.250	15.250	17.530	19.480	20.780	22.080	23.380
\$200.000 - 249.999	2.720	5.920	8.620	11.120	13.420	15.720	18.020	20.320	22.270	23.570	24.870	26.170
\$250.000 - 449.999	2.970	6.470	9.310	11.810	14.110	16.410	18.710	21.010	22.960	24.260	25.560	26.860
\$450.000 trở lên	3.140	6.840	9.880	12.580	15.080	17.580	20.080	22.580	24.730	26.230	27.730	29.230